

Số: 09 /2023/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2023

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng;

Căn cứ Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh;

Căn cứ Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh casino;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

Căn cứ Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 131/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh;

Căn cứ Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành

văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu)

Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gồm các Phụ lục sau:

1. Phụ lục I. Danh mục hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (mã HS).

2. Phụ lục II. Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định theo mã HS.

3. Phụ lục III. Danh mục hàng hóa xuất khẩu theo điều kiện thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định theo mã HS.

4. Phụ lục IV. Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo điều kiện thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định theo mã HS.

5. Phụ lục V. Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định theo mã HS.

6. Phụ lục VI. Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định theo mã HS.

Điều 2. Quy định sử dụng Danh mục

1. Nguyên tắc áp dụng Danh mục:

a) Trường hợp chi liệt kê mã HS 4 số thì toàn bộ các mã HS 8 số thuộc nhóm HS 4 số này đều được áp dụng.

b) Trường hợp chi liệt kê mã HS 6 số thì toàn bộ các mã HS 8 số thuộc phân nhóm HS 6 số này đều được áp dụng.

c) Trường hợp liệt kê chi tiết đến mã HS 8 số thì chỉ mã HS 8 số đó mới được áp dụng.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu, cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, nguyên tắc quản lý, hình thức quản lý và trình tự, thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa xác định theo mã HS quy định tại Điều 1 Thông tư này thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định và các quy định khác của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được phân loại, xác định có cùng mã HS quy định tại Thông tư này nhưng không có nội dung theo quy định của pháp luật chuyên ngành văn hóa thì không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Trường hợp chưa xác định được hàng hóa đó thuộc mã HS nào trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (hoặc hàng hóa đó chưa có mã HS) thì khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu phải lấy mẫu hàng hóa đó để tiến hành giám định của cơ quan có thẩm quyền phục vụ cho việc phân loại mã HS.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2023.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 24/2018/TT-BVHTTDL ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

3. Vụ Kế hoạch, Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân thông báo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Kế hoạch, Tài chính) để xem xét, giải quyết. / 3

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL, Sở VH TT;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, KHTC, HN (200).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục I

**DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU THEO GIẤY PHÉP
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA CỦA
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH XÁC ĐỊNH THEO MÃ HS**

(Kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 08 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
97.01	Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu, được vẽ hoàn toàn bằng tay, trừ các loại tranh phác họa thuộc nhóm 49.06 và trừ các tác phẩm vẽ hoặc trang trí bằng tay; các tác phẩm ghép, tranh khảm và phù điêu trang trí tương tự.
	- Có tuổi trên 100 năm:
9701.21.00	- - Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu
9701.22.00	- - Tranh khảm
9701.29.00	- - Loại khác
97.02	Nguyên bản các bản khắc, bản in và bản in lytô.
9702.10.00	- Có tuổi trên 100 năm
97.03	Nguyên bản tác phẩm điêu khắc và tượng tạc, làm bằng mọi loại vật liệu.
9703.10.00	- Có tuổi trên 100 năm
97.05	Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chung loại khảo cổ, dân tộc học, sử học, động vật, thực vật, khoáng vật, giải phẫu học, cổ sinh vật học hoặc các loại tiền.
9705.10.00	- Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chung loại khảo cổ, dân tộc học hoặc sử học
	- Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chung loại động vật, thực vật, khoáng vật, giải phẫu học hoặc cổ sinh vật học:
9705.21.00	- - Tiêu bản người và các bộ phận của chúng
9705.22.00	- - Các loài đã tuyệt chủng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng và các bộ phận của chúng
9705.29.00	- - Loại khác
	- Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập các loại tiền:
9705.31.00	- - Có tuổi trên 100 năm

9705.39.00	- - Loại khác
97.06	Đồ cổ có tuổi trên 100 năm.
9706.10.00	- Có tuổi trên 250 năm
9706.90.00	- Loại khác

Phụ lục II

**DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO GIẤY PHÉP
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA CỦA
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH XÁC ĐỊNH THEO MÃ HS**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 08 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
4904.00.00	Bản nhạc, in hoặc viết tay, đã hoặc chưa đóng thành quyển hoặc minh họa tranh ảnh.
85.23	Đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thẻ rắn, “thẻ thông minh” và các phương tiện lưu trữ thông tin khác để ghi âm thanh hoặc các nội dung, hình thức thể hiện khác, đã hoặc chưa ghi, kể cả bản khuôn mẫu và bản gốc để sản xuất băng đĩa, nhưng không bao gồm các sản phẩm của Chương 37.
	- Phương tiện lưu trữ thông tin từ tính:
8523.21	- - Thẻ có dải từ:
8523.21.90	- - - Loại khác
8523.29	- - Loại khác:
	- - - Băng từ, có chiều rộng không quá 4 mm:
	- - - - Loại khác:
8523.29.21	- - - - Băng video
8523.29.29	- - - - Loại khác
	- - - Băng từ, có chiều rộng trên 4 mm nhưng không quá 6,5 mm:
	- - - - Loại khác:
8523.29.43	- - - - Băng video khác
8523.29.49	- - - - Loại khác
	- - - Băng từ, có chiều rộng trên 6,5 mm:
	- - - - Loại khác:
8523.29.61	- - - - - Loại sử dụng để tái tạo các tập lệnh, dữ liệu, âm thanh và hình ảnh, được ghi ở dạng mã nhị phân để máy có thể đọc được, và có thể thao tác hoặc có thể tương tác với người sử dụng, thông qua một máy xử lý dữ liệu tự động; phương tiện lưu trữ được định dạng riêng (đã ghi)

8523.29.63	- - - - - Băng video khác
8523.29.69	- - - - - Loại khác
	- - - Đĩa từ:
8523.29.82	- - - - - Loại khác
8523.29.83	- - - - - Loại khác, loại sử dụng để tái tạo các tập lệnh, dữ liệu, âm thanh và hình ảnh, được ghi ở dạng mã nhị phân để máy có thể đọc được, và có thể thao tác hoặc có thể tương tác với người sử dụng, thông qua một máy xử lý dữ liệu tự động; phương tiện lưu trữ được định dạng riêng (đã ghi)
8523.29.89	- - - - - Loại khác
	- - - Loại khác:
8523.29.94	- - - - - Loại khác
8523.29.95	- - - - - Loại khác, loại sử dụng để tái tạo các tập lệnh, dữ liệu, âm thanh và hình ảnh, được ghi ở dạng mã nhị phân để máy có thể đọc được, và có thể thao tác hoặc có thể tương tác với người sử dụng, thông qua một máy xử lý dữ liệu tự động; phương tiện lưu trữ được định dạng riêng (đã ghi)
8523.29.99	- - - - - Loại khác
	- Phương tiện lưu trữ thông tin quang học:
8523.41.90	- - - Loại khác
8523.49	- - Loại khác:
	- - - Đĩa dùng cho hệ thống đọc bằng laser:
	- - - - Loại sử dụng để tái tạo âm thanh

Phụ lục IV

DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO ĐIỀU KIỆN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH XÁC ĐỊNH THEO MÃ HS

(Kèm theo Thông tư số 09 /2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 08 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
95.03	Xe đạp ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh; xe của búp bê; búp bê; đồ chơi khác; mẫu thu nhỏ theo tỷ lệ ("scale") và các mẫu đồ chơi giải trí tương tự, có hoặc không vận hành; các loại đồ chơi đồ trí (puzzles).
9503.00.10	- Xe đạp ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh; xe của búp bê
	- Búp bê:
9503.00.21	- - Búp bê, có hoặc không có trang phục
	- - Bộ phận và phụ kiện:
9503.00.22	- - - Quần áo và phụ kiện quần áo; giày và mũ
9503.00.29	- - - Loại khác
9503.00.30	- Xe điện, kể cả đường ray, đèn hiệu và các phụ kiện khác của chúng
9503.00.40	- Các mô hình thu nhỏ theo tỷ lệ ("scale") và các mô hình giải trí tương tự, có hoặc không vận hành
9503.00.50	- Đồ chơi và bộ đồ chơi xây dựng khác, bằng mọi loại vật liệu trừ plastic
9503.00.60	- Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người
9503.00.70	- Các loại đồ chơi đồ trí (puzzles)
	- Loại khác:
9503.00.91	- - Đồ chơi, xếp khối hoặc cắt rời hình chữ số, chữ cái hoặc hình con vật; bộ xếp chữ; bộ đồ chơi tạo chữ và tập nói; bộ đồ chơi in hình; bộ đồ chơi đếm (abaci); máy may đồ chơi; máy chữ đồ chơi
9503.00.92	- - Dây nhảy
9503.00.93	- - Hòn bi
9503.00.94	- - Các đồ chơi khác, bằng cao su
9503.00.99	- - Loại khác